

1994-es világbajnokság

Versenyző	Autó	BRA	PAC	RSM	MCO	ESP	CDN	FRA	GBR	GER	HUN	BEL	ITA	POR	EUR	JPN	AUS	Összes
1. Michael Schumacher	Benetton - Ford B194B	10	10	10	10	6	10	10	KZ	CN	10	KZ			10	6	CN	92
2. Damon Hill	Williams - Renault FW16B	6	CN	1	CN	10	6	6	10	0	6	10	10	10	6	10	CN	91
3. Gerhard Berger	Ferrari 412T1B	CN	6	CN	4	CN	3	4	CN	10	0	CN	6	CN	2	CN	6	41
4. Mika Hakkinen	McLaren - Peugeot MP4/9	CN	CN	4	CN	CN	CN	CN	4	CN		6	4	4	4	0	0	26
5. Jean Alesi	Ferrari 412T1B	4			2	3	4	CN	6	CN	CN	CN	CN	CN	0	4	1	24
6. Rubens Barrichello	Jordan - Hart 194	3	4	NK	CN	CN	0	CN	3	CN	CN	CN	3	3	0	CN	3	19
7. Martin Brundle	McLaren - Peugeot MP4/9	CN	CN	0	6	CN	CN	CN	CN	CN	3	CN	2	1	CN	CN	4	16
8. David Coulthard	Williams - Renault FW16B					CN	2		2	CN	CN	3	1	6				14
9. Nigel Mansell	Williams - Renault FW16B							CN							CN	3	10	13
10. Jos Verstappen	Benetton - Ford B194B	CN	CN					CN	0	CN	4	4	CN	2	CN			10
11. Olivier Panis	Ligier - Renault JS39B	0	0	0	0	0	0	CN	0	6	1	0	0	KZ	0	0	2	9
12. Mark Blundell	Tyrrell - Yamaha 022	CN	CN	0	CN	4	0	0	CN	CN	2	2	CN	CN	0	CN	CN	8
13. Heinz-Harald Frentzen	Sauber - Mercedes C13	CN	2	0	CN	CN	CN	3	0	CN	CN	CN	CN	CN	1	1	0	7
Nicola Larini	Ferrari 412T1B		CN	6														6
14. Christian Fittipaldi	Footwork - Ford FA15	CN	3	0	CN	CN	KZ	0	0	3	0	CN	CN	0	0	0	0	6
Eddie Irvine	Jordan - Hart 194	CN				1	CN	CN	CN	CN	CN	0	CN	0	3	2	CN	6
17. Ukyo Katayama	Tyrrell - Yamaha 022	2	CN	2	CN	CN	CN	CN	1	CN	CN	CN	CN	CN	0	CN	CN	5
18. Eric Bernard	Ligier - Renault JS39B	CN	0	0	CN	0	0	CN	0	4	0	0	0	0				4
	Lotus - Mugen Honda 109														0			
	Karl Wendlinger	Sauber - Mercedes C13	1	CN	3	NI												4
	Andrea de Cesaris	Jordan - Hart 194			CN	3												4
	Sauber - Mercedes C13						CN	1	CN	CN	CN	CN	CN	CN				4
Pierluigi Martini	Minardi - Ford M193B	0	CN	CN	CN	2												4
	Minardi - Ford M194						0	2	0	CN	CN	0	CN	0	0	CN	0	
22. Gianni Morbidelli	Footwork - Ford FA15	CN	CN	CN	CN	CN	CN	CN	CN	2	CN	1	CN	0	0	CN	CN	3
23. Erik Comas	Larrousse - Ford LH94	0	1	CN	0	CN	CN	0	CN	1	0	CN	0	CN	CN	0		2
24. Michele Alboreto	Minardi - Ford M193B	CN	CN	CN	1	CN												1
	Minardi - Ford M194						0	CN	CN	CN	0	0	CN	0	0	CN	CN	
J.J. Lehto	Benetton - Ford B194B			CN	0	CN	1						0	0				1
	Sauber - Mercedes C13															CN	0	
Phillipe Adams	Lotus - Mugen Honda 109											CN						-
	McLaren - Peugeot MP4/9										CN							-
Philippe Alliot	Larrousse - Ford LH94											CN						-
Paul Belmondo	Pacific - Ilmor PR01	NK	NK	NK	CN	CN	NK	NK	NK	NK	NK	NK	NK	NK	NK	NK	NK	-
Olivier Beretta	Larrousse - Ford LH94	CN	CN	CN	0	CN	CN	CN	0	0	0							-
David Brabham	Simtek - Ford S941	0	CN	CN	CN	0	0	CN	0	CN	0	CN	CN	CN	CN	0	CN	-
Yannick Dalmas	Larrousse - Ford LH94												CN	0				-
Jean-Denis Deletraz	Larrousse - Ford LH94																CN	-
Bertrand Gachot	Pacific - Ilmor PR01	CN	NK	CN	CN	CN	CN	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	KZ	-
Jean-Marc Gounon	Simtek - Ford S941							0	0	CN	CN	0	CN	0				-
Johnny Herbert	Lotus - Mugen Honda 109	0	0	0	CN	CN	0	0	0	CN	CN	0	CN	0				-
	Ligier - Renault JS39B														0			-
	Benetton - Ford B194B															CN	CN	-
Taki Inoue	Simtek - Ford S941															CN		-
Franck Lagorce	Ligier - Renault JS39B															CN	CN	-
Pedro Lamy	Lotus - Mugen Honda 109	0	0	CN	0													-
Andrea Montermini	Simtek - Ford S941					NK												-
Hideki Noda	Larrousse - Ford LH94														CN	CN	CN	-
Roland Ratzenberger	Simtek - Ford S941	NK	0	NI														-
Mika Salo	Lotus - Mugen Honda 109															0	CN	-
Domenico Schiattarella	Simtek - Ford S941														0		CN	-
Ayrton Senna	Williams - Renault FW16B	CN	CN	CN														-
Aguri Suzuki	Jordan - Hart 194		CN															-
Alessandro Zanardi	Lotus - Mugen Honda 109					0	0	CN	CN	CN	0		CN		0	0	CN	-

Konstruktőr	Motor / Gumi	BRA	PAC	RSM	MCO	ESP	CDN	FRA	GBR	GER	HUN	BEL	ITA	POR	EUR	JPN	AUS	Összes
1. Williams	Renault / Goodyear	6	0	1	0	10	8	6	12	0	6	13	11	16	6	13	10	118
2. Benetton	Ford / Goodyear	10	10	10	10	6	11	10	0	0	14	4	0	2	10	6	0	103
3. Ferrari	Ferrari / Goodyear	4	6	6	6	3	7	4	6	10	0	0	6	0	2	4	7	71
4. McLaren	Peugeot / Goodyear	0	0	4	6	0	0	0	4	0	3	6	6	5	4	0	4	42
5. Jordan	Hart / Goodyear	3	4	0	3	1	0	0	3	0	0	0	3	3	3	2	3	28
6. Ligier	Renault / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	10	1	0	0	0	0	0	2	13
7. Tyrrell	Yamaha / Goodyear	2	0	2	0	4	0	0	1	0	2	2	0	0	0	0	0	13
8. Sauber	Mercedes / Goodyear	1	2	3	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	1	1	0	12
9. Footwork	Ford / Goodyear	0	3	0	0	0	0	0	0	5	0	1	0	0	0	0	0	9
10. Minardi	Ford / Goodyear	0	0	0	1	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
11. Larrousse	Ford / Goodyear	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2
Lotus	Mugen Honda / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
Pacific	Ilmor / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
Simtek	Ford / Goodyear	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-

Rövidítés-magyarázat:

CN = Célbaérés nélkül
 NI = Nem indult
 NK = Nem kvalifikált
 NO = Nem osztályozták
 KÁ = Kiállítva
 KZ = Kizárva